

Bản án số: **23/2019/HSST**
Ngày: 20/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Thoa
Các Hội thẩm nhân dân.

- 1. Ông Đỗ Văn Tuấn**
- 2. Ông Dương Tấn Đấu**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Quang Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: Bà Đặng Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2019/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: Lâm Thành K, sinh ngày 07/4/2001 – Giới tính: Nam.

Nơi sinh: Kiên Giang

Nơi cư trú: Ấp R, xã H, Phú Quốc, Kiên Giang

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Trình độ văn hóa: 8/12. Nghề nghiệp: Làm thuê.

Cha: Nguyễn Phước T, sinh 1979 (chết); Mẹ: Lâm Thị Ngọc B, sinh 1984 (sống).

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Trịnh Văn S, sinh ngày 15/10/2000 – Giới tính: Nam.

(Tên gọi khác: S Bầu)

Nơi sinh: Kiên Giang

Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn D, Phú Quốc, Kiên Giang

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Trình độ văn hóa: 8/12. Nghề nghiệp: Làm thuê.

Cha: Lê Văn G, sinh 1969 (sống); Mẹ: Trịnh Thị N, sinh 1971 (sống).

Anh chị em ruột: có 01 chị ruột sinh năm 1994.

Tiền án: Chưa.

Tiền sự: Có 01 tiền sự vào ngày 17/9/2018 bị công an thị trấn D ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo K và bị cáo S:** Ông Trần Tuấn A, trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Kiên Giang.

*** Người bị hại: Anh Trần Văn H, sinh năm 1990**

Địa chỉ: Xóm 11, thôn Thượng Vĩ, xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã D, Phú Quốc, Kiên Giang.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện cho bị cáo Lâm Thành K:** Bà Lâm Thị Ngọc B (mẹ ruột), sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp R, xã H, Phú Quốc, Kiên Giang.

*** Người đại diện cho bị cáo Trịnh Văn S:** Bà Trịnh Thị N (mẹ ruột), sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn D, Phú Quốc, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 3 giờ ngày 11/7/2018, Lâm Thành K và Trịnh Văn S đang chơi game tại tiệm internet Thu Toàn thuộc khu phố 5, thị trấn D, Phú Quốc thì K phát hiện anh Trần Văn H đang nằm ngủ và để điện thoại Iphone 7 màu hồng đang sạc pin. K nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài và rủ S thì S đồng ý. K đứng quan sát canh chừng, còn S lén lút đến chỗ anh H lấy điện thoại giấu vào trong người, cả hai đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, sau đó bị phát hiện.

- Về tang vật của vụ án: Thu giữ 01 (một) điện thoại Iphone 7 màu hồng, dung lượng 32GB, đã qua sử dụng. Tang vật đã được trả cho chủ sở hữu.

- Tại bản kết luận giá trị tài sản trong tố tụng số 36/KL-HĐĐGTS ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá huyện Phú Quốc kết luận: Giá trị chiếc Iphone 7 là tài sản trộn cấp có giá là 7.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc đã truy tố bị cáo Lâm Thành K và Trịnh Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã kết luận hành vi của các bị cáo Lâm Thành K và Trịnh Văn S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; áp dụng điểm h, điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 36; Điều 100 BLHS năm 2015

- Xử phạt:

1/ Lâm Thành K từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

2/ Trịnh Văn S từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với lý do các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, tài sản trộm cắp đã được thu hồi ngay trả cho chủ sở hữu nên chưa gây thiệt hại gì cho người bị hại; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phát hiện thì các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng Điều 100 BLHS xử phạt các bị cáo mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận đối với Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng của bị cáo là ăn năn hối cải, biết việc làm của bị cáo là không đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện Phú Quốc và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Lâm Thành K và Trịnh Văn S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc truy tố là khi phát hiện anh H nằm ngủ và có sạc điện thoại kê bên thì các bị cáo đã lén lút trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 7 của anh H mang đi bán lấy tiền tiêu xài thì phát hiện và trả lại cho chủ sở hữu.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận về giá trị tài sản trong tổ tụng hình sự thì tổng giá trị tài sản trộm cắp được thu giữ có giá trị là 7.000.000đồng.

Với các tình tiết đã được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lâm Thành K và Trịnh Văn S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo trong vụ án: Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đối với bị cáo S còn có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái pháp luật ma túy nên cũng cần xử các bị cáo một mức án nghiêm nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, tài sản trộm cắp đã trả cho chủ sở hữu nên chưa gây thiệt hại gì cho người bị hại được quy định tại điểm h, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS, ngoài ra các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên áp dụng Điều 91 và Điều 100 BLHS năm 2015 và quan điểm bảo chữa của Luật sư để xem xét giảm nhẹ khi lượng hình cho các bị cáo.

[4]. **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại đã nhận lại tài sản và được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng không có mặt tại phiên tòa và không có lý do, nhưng trong quá trình điều tra bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét.

[5]. **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6]. Bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên, QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lâm Thành K và bị cáo Trịnh Văn S (S Bầu)** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h; i; s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 36; Điều 100 BLHS năm 2015.

Xử phạt: **Lâm Thành K: 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo về chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân xã H quản lý, giáo dục.

Xử phạt: **Trịnh Văn S (S Bầu): 12** (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo về chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân thị trấn D quản lý, giáo dục.

Các bị cáo không phải khấu trừ thu nhập.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét.

4. Về án phí: Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện PQ;
- THA Dân sự PQ;
- TAND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp KG;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS; V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim Thoa